

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Quý II năm 2008

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2008

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Nội dung	Số dư đầu năm	Số dư cuối kỳ
I.	Tài sản ngắn hạn	279,387,544,774	255,992,437,371
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	2,668,098,737	11,698,704,451
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	107,483,217,974	94,161,436,674
4	Hàng tồn kho	162,919,612,864	142,111,923,641
5	Tài sản ngắn hạn khác	6,316,615,199	8,020,372,605
II	Tài sản dài hạn	103,773,138,064	102,625,491,202
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	64,095,131,651	64,258,146,053
	- Tài sản cố định hữu hình	37,691,511,413	42,614,567,559
	- Tài sản cố định vô hình	1,063,306,973	1,043,640,884
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	25,340,313,265	20,599,937,610
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	25,460,000,000	25,360,000,000
5	Tài sản dài hạn khác	14,218,006,413	13,007,345,149
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	383,160,682,838	358,617,928,573
IV	Nợ phải trả	220,215,797,164	207,366,666,408
1	Nợ ngắn hạn	219,715,797,164	206,866,666,408
2	Nợ dài hạn	500,000,000	500,000,000
V	Vốn chủ sở hữu	162,944,885,674	151,251,262,165
1	Vốn chủ sở hữu	158,797,131,375	150,390,496,678
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	79,000,000,000	79,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	34,200,000,000	34,200,000,000
	- Cổ phiếu quỹ	(175,370,000)	(175,370,000)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	33,834,208,786	31,266,658,987
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	11,938,292,589	6,099,207,691
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	4,147,754,299	860,765,487
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	4,147,754,299	860,765,487
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	383,160,682,838	358,617,928,573

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Chỉ tiêu		Quý II/2008	Lũy kế từ đầu năm 2008
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		205,787,175,286	359,037,719,311
2	Các khoản giảm trừ doanh thu			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		205,787,175,286	359,037,719,311
4	Giá vốn hàng bán		191,834,419,509	330,289,556,329
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13,952,755,777	28,748,162,982
6	Doanh thu hoạt động tài chính		4,573,347,683	5,362,180,883
7	Chi phí tài chính		4,887,619,963	8,772,507,593
8	Chi phí bán hàng		7,860,051,218	14,032,265,720
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp		3,071,603,317	5,283,107,942
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2,706,828,962	6,022,462,610
11	Thu nhập khác		121,875,470	171,460,329
12	Chi phí khác		0	28,000,000
13	Lợi nhuận khác		121,875,470	143,460,329
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2,828,704,432	6,165,922,939
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp		34,027,193	66,715,248
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2,794,677,239	6,099,207,691
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		354	772

Sóc Trăng, ngày 16 tháng 07 năm 2008

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

HỒ QUANG TRÍ

TÔ MINH CHĂNG

PHẠM HOÀNG VIỆT

BẢNG ĐC PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2007

Lợi nhuận trong năm 2007 được phân phối như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	TỈ LỆ	SỐ TIỀN
I/	Tổng lợi nhuận thực hiện được:		27,771,212,672
	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		276,426,139
II/	Lợi nhuận sau thuế:		27,494,786,533
	Được phân phối như sau:		
1)	Quỹ dự phòng tài chính	5%	1,374,739,327
	Đã trích		1,374,699,697
	trích BS		39,630
2)	Quỹ đầu tư phát triển	30%	8,248,435,960
	Đã trích		10,145,195,155
	Giảm trừ vào Ln chưa PP		1,896,759,195
3)	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15%	4,124,217,980
	Đã trích		4,124,099,092
	Giảm trừ vào Ln chưa PP		118,888
4)	Cổ tức được phép chia		14,220,000,000
	<i>(Được tính bằng 18% x vốn điều lệ)</i>		
5)	Phần còn thiếu trừ vào quỹ DPTC		-472,606,734